

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2401/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 29 tháng 10 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực  
Quản lý xây dựng công trình thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp  
và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 296/TTr-SNN ngày 08 tháng 10 năm 2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

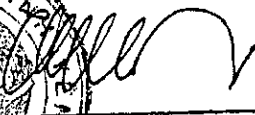
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CT UBND tỉnh: Nguyễn Chiến Thắng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



  
Nguyễn Chiến Thắng

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
**THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH YÊN BÁI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

| STT      | Tên thủ tục hành chính               | Thời hạn giải quyết                                                      | Đặc điểm thực hiện                                                                                                                           | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>   |                                                                          |                                                                                                                                              |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1        | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu | Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái (tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái- tầng1 - Trung tâm hội nghị tỉnh) | Không quy định       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Thông tư Số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.</li> </ul> |

| B | Thủ tục hành chính do cơ quan khác thực hiện                                                                            |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu                                         | Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.                                                                                                                                       | Bên mời thầu (Ban quản lý dự án của Chủ đầu tư hoặc tổ chức tư vấn do chủ đầu tư thuê) trình Chủ đầu tư xem xét, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu (HSMT), hồ sơ yêu cầu (HSYC), hồ sơ mời sơ tuyển (HSMST), hồ sơ mời quan tâm (HSMQT | a) Chi phí thẩm định HSMQT, HSMST bằng 0.03% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng.<br>b) Chi phí thẩm định HSMT, HSYC bằng 0.1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.                            | - Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;<br>- Thông tư Số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý. |
| 2 | Phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu | - Kết quả đánh giá HSQT, HSDST trong thời gian không quá 30 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu trong nước, không quá 40 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu quốc tế;<br>- Kết quả đánh giá HSDX trong thời | Bên mời thầu (Ban quản lý dự án của Chủ đầu tư hoặc tổ chức tư vấn do chủ đầu tư thuê) trình Chủ đầu tư xem xét, thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm (HSQT), hồ sơ dự sơ tuyển (HSDST), hồ sơ dự                                   | a) Chi phí đánh giá HSQT, HSDST bằng 0.05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng<br>b) Chi phí đánh giá HSDT, HSDX bằng 0.1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng<br>c) Chi phí thẩm định kết quả | - Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;<br>- Thông tư Số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về công tác lựa chọn                                                                                                                          |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                        |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                 |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <p>gian không quá 40 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu trong nước, không quá 50 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu quốc tế;</p> <p>- Kết quả đánh giá HSDT trong thời gian không quá 55 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu trong nước, không quá 70 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu quốc tế;</p> | <p>thầu (HSDT), danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> | <p>lựa chọn nhà thầu kể cả trường hợp không lựa chọn được nhà thầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.</p> | <p>nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.</p> |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|